

**CÔNG TY CP QUẢN LÝ ĐTNĐ
VÀ XÂY DỰNG GT THANH HÓA**

Số: 79/ĐTNĐ-KT

V/v kiểm tra, báo cáo hiện trạng luồng
đường thủy nội địa quốc gia khu vực sông
Tào và cửa Lạch Trường trên sông Tào.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thanh Hóa, ngày 08 tháng 6 năm 2022

Kính gửi: Cục Đường thủy nội địa Việt Nam.

Thực hiện Công văn số 1123/CĐTNĐ-QLKCHT ngày 31/5/2022 của Cục Đường thủy nội địa Việt Nam về việc kiểm tra, báo cáo hiện trạng luồng trên sông Tào và cửa Lạch Trường trên sông Tào. Công ty CP Quản lý ĐTNĐ và XDGT Thanh Hóa kiểm tra, báo cáo như sau:

I. Tổ chức kiểm tra hiện trường khu vực sông Tào và cửa Lạch Trường, sông Tào.

1. Hiện trạng luồng về cấp kỹ thuật (bề rộng B, độ sâu chạy tàu H, bán kính cong R): Theo Thông tư 46/2016/TT-BGTVT ngày 29/12/2016.

TT	Tên sông	Lý trình	Điểm đầu, điểm cuối	Cấp kỹ thuật hiện trạng	Bề rộng (B)	Độ sâu chạy tàu (H)	Bán kính cong (R)	Cấp kỹ thuật quy hoạch đến năm 2030
1	Sông Tào	Km0+00 - Km32+00	Từ phao số 0 cửa Lạch Trường đến ngã ba Tào Xuyên	IV	>30	>2,3	>150	IV

2. Số liệu hiện trạng đáy luồng khu vực cửa Lạch Trường từ Km0+00-Km8+00: (Có bình đồ tuyến và số liệu đo dò tại khu vực kèm theo)

- Ngày đo: 05/4/2022.

- Mức nước ứng với tần suất 95%: -1,3m

3. Mật độ, chủng loại phương tiện thủy nội địa.

a) Tại khu vực sông Tào (đếm tại vị trí Km30+00):

- Mật độ: Từ 30-40 lượt/ngày

- Chủng loại phương tiện: Tàu chở hàng có trọng tải từ 200T-300T

b) Tại khu vực cửa Lạch Trường (Km00 - Km8+00), sông Tào:

- Mật độ: Từ 100-150 lượt/ngày, đêm

- Chủng loại phương tiện:

+ Tàu chở hàng có trọng tải từ 100T-300T: khoảng 5-7 lượt/ngày

+ Tàu cá có công suất từ 50CV đến >1000CV.

4. Phạm vi quản lý giữa Cục DTND Việt Nam và Cục Hàng hải Việt Nam khu vực cửa Lạch Trường: Không có sự chồng chéo về phạm vi quản lý.

II. Báo cáo các thông số về vị trí nếu thực hiện dự án nạo vét vùng nước đường thủy nội địa kết hợp thu hồi sản phẩm khu vực cửa Lạch Trường.

1. Sự cần thiết phải nạo vét:

Tuyến cửa Lạch Trường (Km0+00-Km8+00) có luồng quanh co, bán kính cong nhỏ dẫn đến dòng chảy không ổn định và là nơi hội tụ phù sa, bồi lắng bùn đất từ thượng lưu, hạ lưu từ các sông và cửa Lạch đổ về tạo nên những đoạn cạn chạy dài lấn chiếm luồng chạy tàu; trên tuyến có nhiều công trình: 02 cảng cá, 01 bến đò ngang, 01 bến phà chạy ngang sông, đầu tuyến là âu tránh trú bão cho tàu thuyền trên kênh De; khi thủy triều xuống kiệt thì độ sâu chạy tàu đạt $H_{ct}=1,0m-1,5m$ nên phương tiện ra vào thường xuyên bị mắc cạn tại Km2+800 - Km5+300, làm ảnh hưởng đến an toàn giao thông đường thủy nội địa và ảnh hưởng trực tiếp đến các phương tiện ra vào các cảng, lưu thông trên tuyến và vào nơi neo đậu tránh trú bão khi có bão về. Vì vậy, việc nạo vét đảm bảo giao thông đoạn cạn cửa Lạch Trường/sông Tào là hết sức cần thiết.

2. Mục tiêu, quy mô thực hiện nạo vét theo cấp kỹ thuật (B, R, H) và chiều dài đoạn cạn:

- Mục tiêu: Hiện tại sông Tào là sông cấp IV do vậy kích thước luồng chạy tàu phải đảm bảo chiều rộng luồng >30m, bán kính cong $R>150m$ và chiều sâu luồng >2,3m.

- Quy mô:

+ Bề rộng luồng chạy tàu: $B_L = 40m$

+ Bán kính cong: $R=300m-350m$

+ Độ sâu chạy tàu: $H = 2,8m$

- Chiều dài đoạn cạn: $L=2.500m$

3. Địa điểm, khu vực nạo vét:

- Lý trình: Km2+800 - Km5+300 (cửa Lạch Trường/sông Tào)

- Địa điểm:

+ Bờ phải thuộc xã Hoằng Trường, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

+ Bờ trái thuộc xã Hải Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa.

4. Khối lượng nạo vét (dự kiến): $80.000 m^3$

5. Sự phù hợp hiện trạng luồng tuyến so với quy hoạch:

Với quy mô nạo vét như trên thì kích thước luồng đạt kích thước của luồng so với quy hoạch đến năm 2030 là cấp IV.

6. Bình đồ đo vẽ hiện trạng luồng cửa Lạch Trường/sông Tào (Km0+00-Km8+00): Có bình đồ tuyến kèm theo

7. Các nội dung khác có liên quan:

- Sự ổn định của bờ sông: Đây là tuyến cửa Lạch do vậy không có bờ sông

mà hai bên là các bãi nuôi ngao của người dân tại khu vực.

- Sự ảnh hưởng đến kết cấu hạ tầng: Không ảnh hưởng.

- Các thông tin khác:

- + Cảng Hoàng Trường: Km5+600 (bờ phải, xã Hoàng Trường, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa).

- + Đò Ngang: Km7+800, chạy liên tục trong ngày (bờ phải xã Hoàng Trường, huyện Hoàng Hóa; bờ trái xã Hải Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa).

- + Phà Lạch Trường: Km8+00, chạy liên tục trong ngày (bờ phải xã Hoàng Yên, huyện Hoàng Hóa; bờ trái xã Hòa Lộc và Hải Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa).

- + Cảng Hòa Lộc: Km8+300 (bờ trái xã Hòa Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa).

Trên đây là báo cáo của Công ty CP Quản lý ĐTNĐ và XDGT về hiện trạng tuyến luồng của Lạch Trường trên sông Tào, kính đề nghị Cục ĐTNĐ Việt Nam xem xét trình Bộ GTVT phê duyệt kế hoạch nạo vét đoạn cạn trên tuyến ĐTNĐ quốc gia sông Tào./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi (báo cáo);
- Lưu VT, KT. *remone*

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Hoàng Văn Bảy

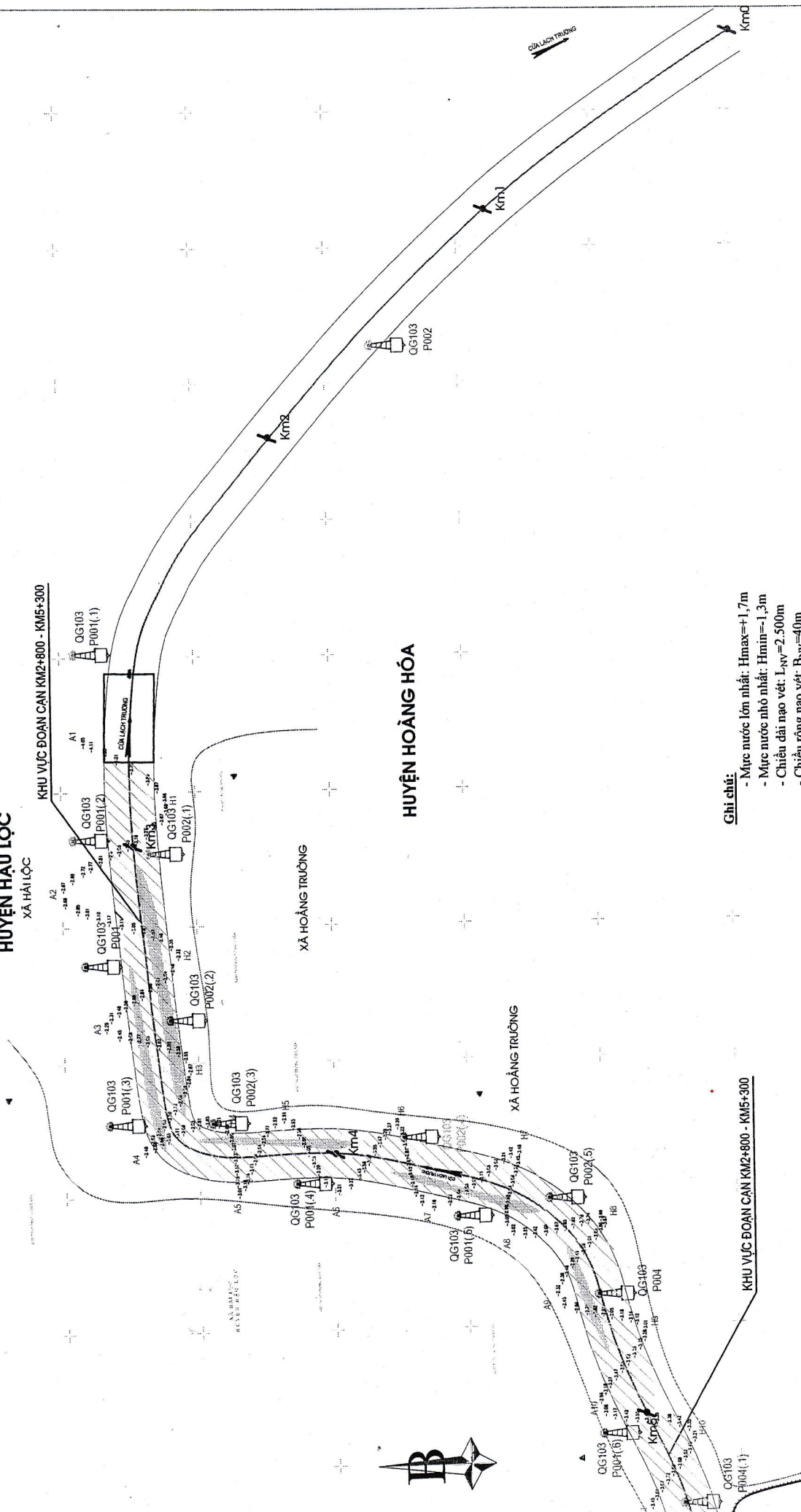
BÌNH ĐỒ TUYẾN CỬA LẠCH TRƯỜNG (SÔNG TÀO)

CHIỀU DÀI: 8 KM - TỪ PHẠO SỐ "0" (CỬA LẠCH TRƯỜNG) ĐẾN NGÃ BA TRƯỜNG XÁ

HUYỆN HẬU LỘC

XÃ HẢI LỘC

KHU VỰC ĐOẠN CẬN KM2+800 - KM5+300



HUYỆN HOÀNG HÓA

XÃ HOÀNG TRƯỜNG

XÃ HOÀNG TRƯỜNG

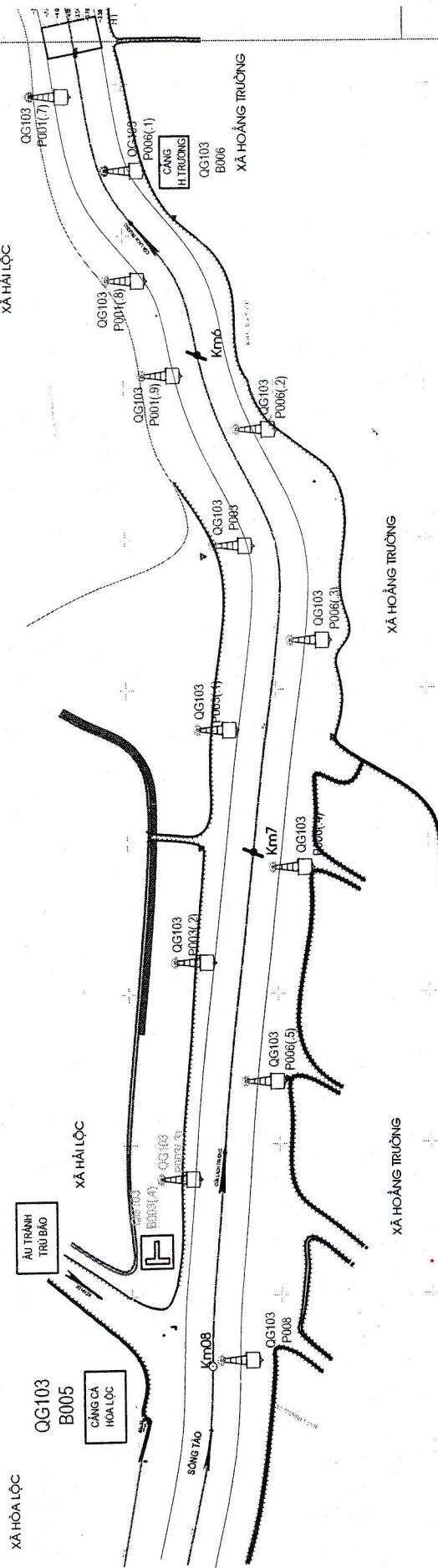
Ghi chú:

- Mức nước lớn nhất: $H_{max}=+1,7m$
- Mức nước nhỏ nhất: $H_{min}=-1,3m$
- Chiều dài nạo vét: $L_{NV}=2.500m$
- Chiều rộng nạo vét: $B_{NV}=40m$
- Chiều sâu nạo vét trung bình: $h_{NV}=0,8m$
- Khối lượng nạo vét (tạm tính): $80.000m^3$

KHU VỰC ĐOẠN CẬN KM2+800 - KM5+300

HUYỆN HẬU LỘC

HUYỆN HẬU LỘC



HUYỆN HOÀNG HÓA

**SỐ LIỆU ĐO DÒ, SƠ KHẢO ĐOẠN CẠN KM 2+800 - KM 5+300,
CỬA LẠCH TRƯỜNG, SÔNG TÀO**

Thời gian thực hiện: Ngày 05 tháng 4 năm 2022

1. Vị trí đo: Từ Km 5+300 - Km 2+800

2. Tuyến sông: Sông Tào

TT	Mặt cắt	Điểm đo	Hướng đo	MN tại bãi (m)	Độ sâu (m)	Cao độ đáy (m)	Giờ đo (giờ, phút)
1	H11-A11	H11	H11-A11	,+0,6	4,18	-3,58	14h
		1		,+0,6	4,38	-3,78	
		2		,+0,6	4,54	-3,94	
		3		,+0,6	4,65	-4,05	
		4		,+0,6	4,68	-4,08	
		5		,+0,6	4,55	-3,95	
		6		,+0,6	4,28	-3,68	
		7		,+0,6	3,92	-3,32	
2	A11-H10	A11	A11-H10	,+0,63	4,08	-3,45	14h10
		1		,+0,63	4,24	-3,61	
		2		,+0,63	4,30	-3,67	
		3		,+0,63	4,35	-3,72	
		4		,+0,63	4,45	-3,82	
		5		,+0,63	4,31	-3,68	
		6		,+0,63	4,15	-3,52	
		7		,+0,63	4,08	-3,45	
3	H10- A10	H10	H10- A10	,+0,65	3,86	-3,21	14h20
		1		,+0,65	4,00	-3,35	
		2		,+0,65	4,07	-3,42	
		3		,+0,65	4,03	-3,38	
		4		,+0,65	4,04	-3,39	
		5		,+0,65	4,07	-3,42	
		6		,+0,65	4,20	-3,55	
		7		,+0,65	4,07	-3,42	
4	A10-H9	A10	A10-H9	,+0,69	3,77	-3,08	14h30
		1		,+0,69	3,65	-2,96	
		2		,+0,69	3,87	-3,18	
		3		,+0,69	3,96	-3,27	
		4		,+0,69	4,16	-3,47	
		5		,+0,69	4,24	-3,55	
		6		,+0,69	4,31	-3,62	
		7		,+0,69	4,04	-3,35	
		8		,+0,69	4,14	-3,45	
		9		,+0,69	3,97	-3,28	
		10		,+0,69	3,97	-3,28	
5	H9-A9	H9	H9-A9	,+0,73	3,74	-3,01	14h40
		1		,+0,73	3,85	-3,12	
		2		,+0,73	3,87	-3,14	
		3		,+0,73	3,91	-3,18	
		4		,+0,73	3,78	-3,05	
		5		,+0,73	3,64	-2,91	

6	A9-H8	6		,+0,73	3,55	-2,82	
		7		,+0,73	3,44	-2,71	
		8		,+0,73	3,42	-2,69	
		9		,+0,73	3,18	-2,45	
		A9	A9-H8	,+0,76	3,08	-2,32	14h50
		1		,+0,76	3,14	-2,38	
		2		,+0,76	3,24	-2,48	
		3		,+0,76	3,05	-2,29	
		4		,+0,76	3,17	-2,41	
7	H8-A8	5		,+0,76	3,71	-2,95	
		6		,+0,76	3,77	-3,01	
		7		,+0,76	4,61	-3,85	
		8		,+0,76	4,62	-3,86	
		H8	H8-A8	,+0,80	4,47	-3,67	15h00
		1		,+0,80	4,49	-3,69	
		2		,+0,80	4,54	-3,74	
		3		,+0,80	4,58	-3,78	
		4		,+0,80	4,62	-3,82	
8	A8-H7	5		,+0,80	4,45	-3,65	
		6		,+0,80	4,47	-3,67	
		7		,+0,80	4,49	-3,69	
		8		,+0,80	4,22	-3,42	
		9		,+0,80	4,05	-3,25	
		A8	A8-H7	,+0,84	3,86	-3,02	15h10
		1		,+0,84	3,89	-3,05	
		2		,+0,84	3,74	-2,90	
		3		,+0,84	3,53	-2,69	
9	H7-A7	4		,+0,84	3,73	-2,89	
		5		,+0,84	3,90	-3,06	
		6		,+0,84	4,16	-3,32	
		7		,+0,84	4,29	-3,45	
		H7	H7-A7	,+0,87	4,35	-3,48	15h20
		1		,+0,87	4,29	-3,42	
		2		,+0,87	4,08	-3,21	
		3		,+0,87	3,89	-3,02	
		4		,+0,87	3,92	-3,05	
10	A7-H6	5		,+0,87	3,98	-3,11	
		6		,+0,87	3,88	-3,01	
		7		,+0,87	3,72	-2,85	
		8		,+0,87	3,51	-2,64	
		9		,+0,87	3,39	-2,52	
		A7	A7-H6	,+0,90	3,00	-2,10	15h30
		1		,+0,90	3,02	-2,12	
		2		,+0,90	3,04	-2,14	
		3		,+0,90	3,08	-2,18	
	H6-A6	4		,+0,90	3,35	-2,45	
		5		,+0,90	3,57	-2,67	
		6		,+0,90	3,71	-2,81	
		7		,+0,90	4,05	-3,15	
		8		,+0,90	4,12	-3,22	
		H6	H6-A6	,+0,93	4,13	-3,20	15h40

####	H6-A6	1		,+0,93	4,20	-3,27	
		2		,+0,93	4,22	-3,29	
		3		,+0,93	4,40	-3,47	
		4		,+0,93	4,48	-3,55	
		5		,+0,93	4,50	-3,57	
		6		,+0,93	4,49	-3,56	
		7		,+0,93	4,36	-3,43	
		8		,+0,93	4,15	-3,22	
12	A6-H5	A6	A6-H5	,+0,97	4,18	-3,21	15h50
		1		,+0,97	4,12	-3,15	
		2		,+0,97	4,17	-3,2	
		3		,+0,97	4,22	-3,25	
		4		,+0,97	3,65	-2,68	
		5		,+0,97	3,95	-2,98	
		6		,+0,97	3,92	-2,95	
13	H5-A5	H5	H5-A5	,+1,00	3,91	-2,91	16h00
		1		,+1,00	3,92	-2,92	
		2		,+1,00	3,77	-2,77	
		3		,+1,00	3,54	-2,54	
		4		,+1,00	3,84	-2,84	
		5		,+1,00	4,04	-3,04	
		6		,+1,00	4,11	-3,11	
		7		,+1,00	4,14	-3,14	
		8		,+1,00	4,18	-3,18	
14	A5-H4	A5	A5-H4	,+1,03	4,04	-3,01	16h10
		1		,+1,03	4,18	-3,15	
		2		,+1,03	4,20	-3,17	
		3		,+1,03	4,26	-3,23	
		4		,+1,03	4,04	-3,01	
		5		,+1,03	4,27	-3,04	
		6		,+1,03	3,71	-2,68	
15	H4-A4	H4	H4-A4	,+1,05	3,71	-2,66	16h20
		1		,+1,05	3,26	-2,21	
		2		,+1,05	3,90	-2,85	
		3		,+1,05	3,86	-2,81	
		4		,+1,05	4,10	-3,05	
		5		,+1,05	4,13	-3,08	
		6		,+1,05	4,16	-3,11	
		7		,+1,05	4,08	-3,03	
		8		,+1,05	3,73	-2,68	
		9		,+1,05	3,71	-2,66	
16	A4-H3	A4	A4-H3	,+1,07	3,55	-2,48	16h30
		1		,+1,07	3,76	-2,69	
		2		,+1,07	3,51	-2,44	
		3		,+1,07	3,97	-2,90	
		4		,+1,07	4,17	-3,10	
		5		,+1,07	4,19	-3,12	
		6		,+1,07	3,73	-2,66	
		7		,+1,07	3,76	-2,69	
		8		,+1,07	3,91	-2,84	
		H3	H3-A3	,+1,10	3,77	-2,67	16h40

17	H3-A3	1		,+1,10	3,65	-2,55	
		2		,+1,10	3,68	-2,58	
		3		,+1,10	3,65	-2,55	
		4		,+1,10	4,02	-2,92	
		5		,+1,10	4,15	-3,05	
		6		,+1,10	3,87	-2,77	
		7		,+1,10	3,79	-2,69	
		8		,+1,10	3,55	-2,45	
18	A3-H2	A3	A3-H2	,+1,14	3,43	-2,29	16h50
		1		,+1,14	3,45	-2,31	
		2		,+1,14	3,62	-2,48	
		3		,+1,14	3,70	-2,56	
		4		,+1,14	3,72	-2,58	
		5		,+1,14	3,98	-2,84	
		6		,+1,14	4,02	-2,88	
		7		,+1,14	3,75	-2,61	
		8		,+1,14	3,68	-2,54	
		9		,+1,14	3,62	-2,48	
19	H2-A2	H2	H2-A2	,+1,17	3,49	-2,32	17h00
		1		,+1,17	3,52	-2,35	
		2		,+1,17	3,65	-2,48	
		3		,+1,17	3,74	-2,57	
		4		,+1,17	3,98	-2,81	
		5		,+1,17	4,22	-3,05	
		6		,+1,17	4,28	-3,11	
		7		,+1,17	4,34	-3,17	
		8		,+1,17	4,27	-3,10	
		9		,+1,17	4,18	-3,01	
		10		,+1,17	4,02	-2,85	
20	A2-H1	A2	A2-H1	,+1,20	3,77	-2,57	17h10
		1		,+1,20	3,87	-2,67	
		2		,+1,20	3,89	-2,69	
		3		,+1,20	3,92	-2,72	
		4		,+1,20	3,97	-2,77	
		5		,+1,20	4,01	-2,81	
		6		,+1,20	4,00	-2,80	
		7		,+1,20	4,15	-2,95	
		8		,+1,20	4,25	-3,05	
		9		,+1,20	4,38	-3,18	
		10		,+1,20	4,47	-3,27	
		11		,+1,20	4,55	-3,35	
		12		,+1,20	4,87	-3,67	
		13		,+1,20	4,88	-3,68	
21	H1-A1	H1	H1-A1	,+1,23	4,89	-3,66	17h20
		1		,+1,23	5,1	-3,87	
		2		,+1,23	5,12	-3,89	
		3		,+1,23	4,99	-3,76	
		4		,+1,23	5,24	-4,01	
		5		,+1,23	5,28	-4,05	
		6		,+1,23	5,34	-4,11	